CHÍNH QUYỀN TỔNG THỐNG JOHN F. KENNEDY VỚI VIỆC SỬ DỤNG THUỐC DIỆT CỎ TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM NĂM 1961

PHAN VĂN CẢ[*]
ĐỖ THỊ HẠNH[**]

Chất diệt cỏ 2,4,5T là một hợp chất hữu cơ có chứa Clo. Chất này không chỉ có trong chất độc da cam mà còn chứa trong các chất độc khác (chất tím, chất xanh, chất trắng). Do công nghệ sản xuất 2,4,5T, xuất hiện một sản phẩm phụ là dioxin (2,3,7,8 Tetra Chloro Dibenzo Dioxin - TCDD). Với một lượng cực nhỏ cỡ một phần tỷ gam, dioxin đã có thể gây ung thư và tai biến sinh sản ở động vật thực nghiệm. Dioxin là một loại độc tố do con người tạo ra được xếp vào loại cực kỳ nguy hiểm và tồn tại rất lâu bền trong môi trường tự nhiên. Từ năm 1959, kế thừa thành tựu từ các nghiên cứu về chất hóa học diệt cỏ (2,4-D và 2,4,5-T), Bộ Quốc phòng Mỹ đã chủ trương phát triển chất diệt cỏ này thành vũ khí và quyết định xây dựng phương án sử dụng hóa chất này tại miền Nam Việt Nam trong khuôn khổ "Chương trình sử dụng chất diệt cỏ ở Đông Nam Á". Bắt đầu từ năm 1961, hàng triệu gallons thuốc diệt cỏ chứa chất hóa học độc hại (dioxin) được phun rải xuống khắp miền Nam Việt Nam. Để che giấu dư luận, Bộ Quốc phòng Mỹ đã dùng một biệt danh là *Ranch Hand* và phổ biến trong quân đội Mỹ cùng nhân dân rằng, các chất hóa học được dùng là những chất diệt cỏ, chất làm rụng lá thông thường. Mục tiêu là để phát quang các nơi trú ẩn, đóng quân của đối phương, làm giảm thương vong cho quân đội Mỹ và đồng minh.

Chiến dịch này đã được thực hiện mà không cần cân nhắc đến tác động, ảnh hưởng của dioxin đối với binh sĩ hai bên, cũng như di hại lâu dài của nó với con người, môi trường tại miền Nam Việt Nam. Các công ty hóa chất Mỹ sản xuất chất khai quang cho Chính phủ Mỹ vì lợi nhuận tối đa, bất chấp các nghiên cứu nội bộ cho thấy chất da cam có chứa dioxin vô cùng độc hại, họ bỏ qua quy trình sản xuất ra sản phẩm an toàn hơn, nhưng tốn thời gian nhiều hơn hàng chục lần. Tuy nhiên, thực tế hiện nay đã chứng minh cuộc chiến tranh hóa học do Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, gây hậu quả thảm khốc nhất trong lịch sử loài người. Bài viết này hướng đến việc tìm hiểu quá trình đưa ra quyết định sử dụng chất khai quang như một phần trong chương trình

[*], [**]TS. Trường Đại học KHXH&NV, Tp. Hồ Chí Minh

chống nổi dậy ở miền Nam Việt Nam dưới thời chính quyền Tổng thống John F. Kennedy vào năm 1961.

1. Chất diệt cỏ và chất làm rụng lá cây được sử dụng ở miền Nam Việt Nam

Thuốc diệt cỏ được phát minh bởi Giáo sư Ezra Kraus - Chủ nhiệm khoa thực vật trường Đại học Chicago trong suốt chiến tranh thế giới thứ II để tiêu hủy đồng lúa và vụ mùa (lúa gạo, nguồn thực phẩm chính) của Nhật Bản (1). Kết quả nghiên cứu hóa học nông nghiệp đã cho thấy rất nhiều hóa chất tổng hợp có thể điều chỉnh hoặc hạn chế cây cỏ phát triển. Các chất này có nhiều hứa hẹn giúp nông dân diệt cỏ rất hiệu nghiệm, nhưng nhiều người cũng đánh giá cao tiềm năng sử dụng trong quân sự. Chất diệt cỏ có hiệu lực nhất được biết đến là chất 2,4-D (acid 2,4-dichlorophenxyacetic). Năm 1943, Giáo sư Ezra Kraus đã ký hợp đồng với quân đội Mỹ nghiên cứu tác hại của chất 2,4,5-T (acid 2,4,5-trichlorophenxyaxetic) đối với cây lúa. Hoạt chất này sẽ sinh ra độc tính dioxin được tiếp thu qua lá cây và hủy hoại hormone thực vật (2).

Cuối Chiến tranh thế giới lần II, không quân Mỹ đã có kế hoạch sử dụng một số chất diệt cỏ để hủy diệt những cánh đồng lúa rộng lớn ở vùng ngoại ô của 6 thành phố lớn Nhật Bản là: Tokyo, Yokohama, Nagoya, Osaka, Kyoto và Kobe. Nhưng quân đội Mỹ đã không sử dụng những hóa chất này cho đến khi chiến dịch *Ranch Hand* được bắt đầu tại Nam Việt Nam năm 1961 (3). Tổng thống Roosevelt đã được Đô đốc William Leahy giải thích rằng "việc sử dụng những vũ khí hóa sinh học bị cấm bởi toàn thể nhân loại… chúng ta không bao giờ sử dụng chúng trừ phi kẻ thù của chúng ta sử dụng trước" (4).

Tuy nhiên, việc sử dụng hóa chất như là một vũ khí trong chiến tranh vẫn là một lựa chọn của các nhà quân sự, đầu tiên là người Anh. Vào cuối thập niên 1950, qua sự thành công của Anh trong việc sử dụng hóa chất 2,4,5-T để tiêu hủy mùa màng và cây cối trong cuộc chiến chống du kích nổi dậy ở Mã Lai (Malaya). Bộ Quốc phòng Mỹ lại ủy nhiệm cho *Cơ quan phụ trách các dự án nghiên cứu cao cấp* (Advanced Research Project Agency) nghiên cứu và phát triển các hóa chất diệt cỏ để dùng cho các mục đích quân sự (5). Trong suốt thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, thử nghiệm sử dụng chất diệt cỏ vào mục đích quân sự được tiến hành ở Florida, Califonia, Indiana, Kentucky, Kansas, Montana, Maryland, Bắc Dakota, Utha, Rhode Island, Texas, Washington và New York. Hầu hết các cuộc thử nghiệm đều nhằm mục tiêu đối với cây trồng.

Mùa hè năm 1959, một thử nghiệm tương đối lớn lần đầu tiên với 13 thùng phuy (2.700l) chất diệt cỏ màu tím (Herbicide Purple), được trực thăng phun rải trên 1.035 ha rừng tại Fort Drum (New York) (6). Một thập kỷ trước khi được sử dụng ở miền Nam Việt Nam, các phi công và máy bay quân sự Mỹ đã phát triển các kỹ thuật và thiết bị phun rải thuốc diệt cỏ. Phòng thí nghiệm Chiến tranh Sinh học của Quân đội Mỹ đã cử Tiến sĩ James W. Brown (người sau này tham gia vào các giai đoạn đầu tiên của chương trình diệt cỏ ở Nam Việt Nam) đến Fort Drum (New York). Ông đã giám sát việc trực thăng phun hỗn hợp 2,4-D và 2,4,5-T khiến lá cây khô và rụng khoảng một tháng sau đó, giúp cải thiện đáng kể khả năng hiển thị các mục tiêu (7).

Thành công được thực hiện tại Fort Drum vào năm 1959 đã báo trước những gì

sẽ xảy ra sau này ở Việt Nam. Trong 10 năm thực hiện các chiến dịch phun, rải chất diệt cỏ và làm rụng lá cây tại miền Nam Việt Nam (1961 - 1971), quân đội Mỹ đã trộn 2,4-D và 2,4,5-T theo tỉ lệ 50:50 thành hợp chất có tên gọi chất độc da cam (Agent Orange) trong đó có chứa dioxin - chất độc nhất trong các chất độc mà loài người biết đến, với mục đích làm trụi lá khoảng 5 triệu héc-ta rừng nhằm làm lộ diện căn cứ của Quân giải phóng và du kích miền Nam Việt Nam. Từ tháng 8 đến tháng 11-1961, các hóa chất được chứa trong các thùng phuy, với mã vạch màu khác nhau bên ngoài thùng: chất màu hồng (Agent Pink), màu xanh lá cây (Agent Green), màu tím (Agent Purple), màu da cam (Agent Orange), màu trắng (Agent White) và màu xanh da trời (Agent Blue), mỗi thùng phuy chứa khoảng 250 lít (tức 55 gallons) bắt đầu được vận chuyển đến miền Nam Việt Nam. Các hóa chất này thành phần hóa học khác nhau, nhưng phần lớn chúng đều có thành phần acid 2,4,5-trichlorophenxyaxetic, tức có chứa dioxin (8) được thể hiện như bảng 1 dưới đây.

2. Chất khai quang có chứa dioxin là một phần trong chương trình chống nổi dậy ở miền Nam Việt Nam

Đầu năm 1961, tình hình chiến sự tại Việt Nam diễn tiến theo chiều hướng khiến chính quyền VNCH và Mỹ vô cùng lo ngại. Khi rời Nhà Trắng vào đầu năm 1961, Tổng thống Eisenhower đã để lại cho người kế nhiệm John F. Kennedy một tình hình tại miền Nam Việt Nam vừa hỗn loạn vừa khó khăn. Phong trào cách mạng ở miền Nam Việt Nam đang trên đà phát triển, trong khi sự lãnh đạo của Tổng thống Ngô Đình Diệm trở nên cứng nhắc và ít linh hoạt hơn đối với những người dân tại vùng nông thôn miền Nam Việt Nam. Bản đánh giá tình báo quốc gia (*National Intelligence Estimate*, NIE) viết: "Một giai đoạn cực kỳ nguy kịch đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm… Hơn một nửa vùng nông thôn ở phía Nam và Tây Nam Sài Gòn, cũng như một vài khu vực ở phía Bắc, đang nằm dưới sự kiểm soát đáng kể của Quân giải phóng. Lực lượng của Quân giải phóng đang bao vây Sài Gòn và gần đây đã bắt đầu tiến tới sát đô thành hơn" (9). Trung tướng Lionel McGarr, tư lệnh Phái bộ cố vấn viện trợ quân

Bảng 1: Những loại thuốc diệt cỏ chiến thuật được quân đội Mỹ sử dụng ở miền Nam Việt Nam 1961-1971

Tên mã	Năm phun	Công thức	Mục đích/sử dụng
Dinoxol/Trinoxol	1961	2,4-D; 2,4,5-T	Kiểm tra chất khai quang
Purple	1962-1965	2,4-D; 2,4,5-T	Làm rụng lá/phá hủy cây trồng trên diện rộng
Blue	1961-1963; 1966-1972	Cacodylic acid	Làm rụng là, khô cây và lúa
Pink	1961-1963	2,4,5-T	Chất khai quang
Green	1962	2,4,5-T	Phá hủy mùa màng
Orange	1965-1970	2,4-D; 2,4,5-T	Chất khai quang/Phá hủy mùa màng
Orange II	1968-1970	2,4-D; 2,4,5-T	Chất khai quang
White	1966-1972	2,4-D; Picloram	Chất khai quang

Nguồn: Alvin L. Young. *The History, Use, Disposition and Environmental Fate of Agent Orange*. New York: Springe; 2009, p.67.

sự MAAG của Mỹ ở miền Nam Việt Nam nói với Đại tướng Maxwell Taylor, cố vấn quân sự của Tổng thống Kennedy rằng: "Mặc dù 85% quân số VNCH đã được triển khai để chống lực lượng nổi dậy, Ngô Đình Diệm chỉ kiểm soát được 40% lãnh thổ" (10).

Để giúp Ngô Đình Diệm chống lại cuộc nổi dậy đang bắt đầu manh nha tại các vùng nông thôn, các cố vấn Mỹ bắt đầu chú ý đến những công nghệ hữu ích trong nỗ lực chống nổi dậy (11). Việc tán thành kế hoạch chống nổi dậy của Tổng thống Kennedy đồng nghĩa với việc ông cho phép đưa một số cố vấn sang miền Nam Việt Nam tham gia yểm trợ chiến đấu, ra lệnh tiến hành các hoạt động phá hoại bí mật chống miền Bắc Việt Nam, giúp khởi động chương trình ấp chiến lược tại miền Nam Việt Nam, tiến hành các chiến dịch phun rải các chất độc gọi là "chất diệt cỏ", làm rụng lá cây và bác bỏ ý kiến cho rằng ông đang cố gắng trung lập hóa miền Nam Việt Nam - một giải pháp mà ông đã sẵn sàng chấp nhận tại Lào (12).

Ngày 15-01-1961, sau khi nhậm chức, Tổng thống Kennedy đã nhóm họp với Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ và tuyên bố sẽ: "dùng chất diệt cỏ và các kỹ thuật mới khác để kiểm soát các đường bộ và đường thuỷ dọc biên giới Việt Nam" với mục đích "giúp các lực lượng vũ trang VNCH có khả năng tuần tra biên giới và trấn áp nổi dậy" (13). Những hóa chất này là một loại trong danh sách các "kỹ thuật và tiện ích" mà chính quyền xem xét và chấp thuận cho sử dụng ở miền Nam Việt Nam (14). Với Tổng thống John F. Kennedy, cuộc chiến thuốc diệt cỏ đồng nghĩa với việc sử dụng các tác nhân hóa học để chống lại Quân giải phóng. Chiến lược này của Kennedy rất đơn giản: sử dụng hóa chất thay cho bộ binh để chống lại chiến thuật du kích, vốn là thế mạnh của Quân giải phóng (15). Từ ngày 8 đến 25-01-1961, một nhóm nghiên cứu do William H. Godel, Phó Cục trưởng phụ trách *Cơ quan phụ trách các Dự án nghiên cứu cao cấp* sang miền Nam Việt Nam để thảo luận với các quan chức VNCH về việc thành lập một Trung tâm nghiên cứu và phát triển hỗn hợp Việt - Mỹ. Trong một cuộc trò chuyện với Trưởng nhóm nghiên cứu William H. Godel và Trung tướng McGarr ngày 15-1-1961, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho biết, trong số những *công nghệ quân sự mới* (New Military Technologies) thì ông rất quan tâm đến sự phát triển của một chất làm rụng lá và cho phép sử dụng để phát triển nông nghiệp sau này (16).

Ngày 12-4-1961, Tổng thống John F. Kennedy nhận được một bản kiến nghị từ cố vấn đối ngoại Walt W. Rostow về hoạt động quân sự tại Việt Nam, trong đó có vấn đề gửi lực lượng không quân C-123 đến Nam Việt Nam để phun rải các chất phát quang, bao gồm cả việc gửi một nhóm cố vấn quân sự (Military Assistance Advisor Group) do Trung tướng Lionel McGarr là Trưởng nhóm đến miền Nam Việt Nam để nghiên cứu việc sử dụng kỹ thuật phát quang (17). Đầu tháng 5-1961, Kennedy phái Phó Tổng thống Lyndon B. Johnson tới Sài Gòn để tham khảo ý kiến với Tổng thống Diệm về sự hỗ trợ của Mỹ trong tương lai. Kết quả của tham vấn này là việc thành lập một *Trung tâm thử nghiệm và phát triển khả năng tác chiến* (Combat Development and Test Center- CDTC) Mỹ - Việt Nam dưới sự chỉ đạo của *Cơ quan phụ trách các Dự án nghiên cứu cao cấp* ARPA. Trung tâm CDTC được thành lập nhằm phát triển các phương pháp chống nổi dậy và phát triển vũ khí mới (18). Một

trong những nhiệm vụ đầu tiên của nó là để đánh giá việc sử dụng chất diệt cỏ để tiêu diệt thảm thực vật nhiệt đới và nguồn cung cấp thực phẩm của đối phương. CDTC phải tìm cho ra loại hợp chất diệt cỏ thích hợp nhất để phá hủy các cánh rừng và cánh đồng nơi quân du kích ẩn nấu. Giai đoạn thử nghiệm, với tên gọi là dự án Agile được chỉ huy bởi James W. Brown, Phó trưởng sư đoàn cây trồng ở Fort Detrit (19).

Trở về Mỹ, Phó Tổng thống Johnson báo cáo rằng lựa chọn duy nhất của Mỹ là ủng hộ Ngô Đình Diệm hay từ bỏ và rút lui khỏi Đông Nam Á. Nếu vẫn chọn Ngô Đình Diệm thì điều quan trọng nhất là Mỹ phải quản lý các chương trình viện trợ của Mỹ một cách sáng tạo, phải chịu đựng chi phí nặng nề lâu dài và "phải tiến hành các hành động với một thái độ dứt khoát" (20). Walt Rostow, một trong những cố vấn thân cận nhất của Tổng thống, khuyến nghị rằng Mỹ nên bắt đầu "nâng cao" hoạt động của mình tại Việt Nam. Rostow nghĩ rằng đây sẽ là thời điểm hoàn hảo để hành động, vì Ngô Đình Diệm gần đây đã "tái đắc cử" và bây giờ có thể tự do bắt đầu những cải cách đã hứa. Ông muốn thử vũ khí công nghệ cao mới của Mỹ và đề nghị thử nghiệm một số "kỹ thuật và tiện ích" ở miền Nam Việt Nam. Bộ Quốc phòng đã đồng ý và khuyến nghị "phát triển với sự trợ giúp của công nghệ hiện đại, những kỹ thuật mới để sử dụng chống lại lực lượng Việt Cộng" (21).

Bản SNIE ngày 5-10-1961 cho biết: "Quân giải phóng đã kiểm soát bán đảo Cà Mau ở tận cùng phía nam của Việt Nam" và dự báo "Lực lượng vũ trang giải phóng sẽ tìm cách giải phóng một vùng khác ở Cao nguyên Trung phần" (22). Nhà sử học Stanley Karnow cho biết thêm rằng: "Việc gia tăng đầu tư về mặt quân sự của Mỹ vào Việt Nam được giữ kín, một phần vì nó vi phạm Hiệp định Genève, một phần nhằm đánh lừa dân chúng Mỹ" (23). Các máy bay của Không quân Mỹ, do phi công Mỹ lái, nhưng "được sơn phù hiệu của Không quân VNCH nhằm che đậy sự thật là Mỹ đang trực tiếp tham gia vào chiến tranh" (24).

Quyết định này được Tổng thống Ngô Đình Diệm ủng hộ nồng nhiệt. Ông nói với các viên chức người Mỹ rằng mình "biết cộng sản đang ở đâu". Các sĩ quan và quan chức VNCH trong Chính quyền Ngô Đình Diệm cảm thấy khó hiểu rằng tại sao người Mỹ không cung cấp cho họ một loại hóa chất sẵn có để giúp họ có thể hoàn thành với ít nỗ lực hơn những gì họ đã làm bằng cách chặt, đốt và tin rằng chiến dịch này sẽ thành công mĩ mãn. Như vậy, việc sử dụng hóa chất làm rụng lá nhằm ngăn chặn Quân giải phóng dọc biên giới và du kích tại những khu rừng núi đã được sự hậu thuẫn từ các giới chức từ Bộ Quốc phòng Mỹ, Chính quyền Tổng thống Ngô Đình Diệm và Đại sứ Mỹ tại VNCH Frederick Nolting. Tuy nhiên, Bộ Ngoại giao phản đối mạnh mẽ chương trình này (25). Trợ lý Ngoại giao Roger Hilsman và Thứ trưởng Ngoại giao Averell Harriman lí giải rằng nếu Mỹ dùng hóa chất trong cuộc chiến Việt Nam, cộng đồng quốc tế sẽ có lí do để tố cáo Mỹ không tuân thủ những quy tắc về "một cuộc chiến quy ước" (26).

Tuy nhiên, bỏ qua những cảnh báo từ những giới chức Ngoại giao, Bộ Quốc phòng Mỹ xem kế hoạch diệt cỏ là phương tiện hiệu quả, kinh tế nhất để phá hủy những khu rừng và cần đưa chất diệt cỏ vào danh mục vũ khí dùng trong hoạt động quân sự chống Quân giải phóng và quân du kích. Một quan chức quân sự lập luận: "Cách tốt

nhất giúp Mỹ có thể đạt được những mục đích quân sự tại Đông Nam Á là chiến tranh hóa học. Chúng ta hoàn toàn có thể "làm vệ sinh" cho khu vực này bằng vũ khí hóa học, khí độc và phun để hủy diệt động vật và cây trồng. Chúng ta có thể tạo ra một vùng đất không bóng người khiến quân du kích không thể di chuyển" (27).

3. Chính quyền Tổng thống John F. Kennedy quyết định sử dụng chất khai quang có chứa dioxin tại miền Nam Việt Nam

Bắt đầu từ tháng 7-1961, những thùng hóa chất và các thiết bị phun rải được chuyển đến Sài Gòn. Một nhóm chuyên viên Mỹ đã thành lập một *ủy ban* để điều khiển chương trình này. Kế hoạch này được thực hiện bằng 2 mật danh: Kế hoạch 20 nhằm phá hủy những khu rừng đang che chở cho hoạt động của quân du kích và ngăn chặn sự tiếp tế cho lực lượng vũ trang cách mạng trên đường Hồ Chí Minh, phát hiện nơi đóng quân của lực lượng vũ trang đối phương; Kế hoạch số 2 nhằm để "triệt hạ và phá hoại mùa màng để cắt đứt nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm của đối phương". Biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia từng là khu vực tranh chấp từ rất lâu trước khi có sự xuất hiện của người Mỹ hoặc sự trỗi dậy của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (28).

James W. Brown bắt đầu từ thử nghiệm với Dinoxol, một hợp chất diệt cỏ có chứa 2,4-D và 2,4,5-T trên khoai mì, khoai lang, lúa và các thảm rừng. Ấn tượng với kết quả thu được, Brown cho rằng những hóa chất diệt cỏ sẽ có khả năng trở thành nhân tố chủ lực trong chiến lược đánh bại Quân giải phóng vì "không ai coi trọng thức ăn và tầm nhìn hơn những người mất chúng" (29). Bỏ qua những cảnh báo về việc sử dụng BW (vũ khí sinh học) hay CW (vũ khí hóa học) ở Việt Nam, chính quyền Kennedy vẫn phê chuẩn việc sử dụng chất diệt cỏ cho mục đích quân sự tại miền Nam Việt Nam. Ngày 10-8-1961, một tháng sau khi những chuyến hàng vận chuyển thuốc diệt cỏ và dụng cụ phun đầu tiên vào miền Nam Việt Nam, không quân VNCH đã tiến hành rải thuốc lên cây cối dọc theo đường 14 nằm ở phía Bắc thị xã Kon Tum bằng những chuyến bay của trực thăng H-34 của Mỹ, mở đầu cho hành động hủy diệt tàn bạo kéo dài hơn 10 năm sau đó (30).

Hoạt động khai quang lúc đầu được xem là hành động "nên làm" nằm trong chiến lược của Bộ tham mưu Mỹ tại Việt Nam. Ngày 24-8-1961, Tổng thống Ngô Đình Diệm cho phép không quân VNCH thực hiện rải thuốc bằng phi cơ C-47 gắn vòi phun nhằm vào các khu rừng mà ông đích thân chỉ định (31). Để tránh trách nhiệm về việc dùng chất phát quang trong chiến tranh, máy bay của quân đội Mỹ thực hiện các phi vụ rải phải sơn cờ của VNCH, phi công được chỉ thị phải mặc thường phục với sự trợ giúp của một nhân viên người Việt trong các chuyến bay (32). Ngày 23-9-1961, một bản ghi nhớ do Bộ Ngoại giao và Quốc phòng kết hợp soạn thảo đã vạch ra một số biện pháp cấp thời để hỗ trợ cho Chính phủ Ngô Đình Diệm. Kế hoạch này bao gồm một loạt các hành động đàn áp mà nếu thành công, nó thay thế cả một đạo quân lớn. Bản ghi nhớ này đề ra 4 mục tiêu cơ bản của chiến tranh diệt cỏ: Làm rụng lá những khu rừng biên giới Campuchia - Lào - Bắc Việt Nam để ngăn quân tiếp viện của Quân giải phóng đang ẩn náu; Phát quang một phần khu vực châu thổ sông Mekong, còn gọi là "khu D", nơi Quân giải phóng có rất nhiều căn cứ; Phá hủy nhiều bãi khoai mì

vốn là nguồn lương thực của Quân giải phóng; Tàn phá những rừng đước, cũng là nơi trú ẩn của Quân giải phóng (33).

Mặc dù những đề xuất trên của *Trung tâm Phát triển và Thử nghiệm tác chiến* (Combat Development and Test Center) sớm được thay thế bằng một chương trình tương tự nhưng quy mô nhỏ hơn, tuy nhiên, báo cáo này thực sự là một bước ngoặt đối với chiến dịch diệt cỏ ở miền Nam Việt Nam. Trên thực tế, cho đến tháng 10-1961, chưa có một bản kế hoạch nào xác định được chiến tranh diệt cỏ sẽ dập tắt các phong trào nổi dậy của quân du kích ở đâu và bằng cách nào. Mối quan ngại lớn nhất mà *Bộ tổng tham mưu liên quân* (JCS) nêu ra phương thức tàn phá cây trồng vì "hậu quả quốc tế của việc đó (tàn phá cây trồng) đối với Mỹ có thể rất nghiêm trọng". Báo cáo cho rằng việc tàn phá cây cối có thể bị dư luận thế giới lên án kịch liệt vì tiềm ẩn nguy cơ của chiến tranh sinh hóa (34). Đến đầu tháng 11-1961, tất cả những gì còn lại là nhận được sự chấp thuận của Tổng thống Kennedy. Các thiết bị cần thiết có thể đến miền Nam Việt Nam "trong vòng 20 ngày", và không quân VNCH đã lên kế hoạch làm rụng lá các phần của đồng bằng và phun thuốc phá hủy mùa màng (35). Tổng thống Ngô Đình Diệm ủng hộ mạnh mẽ việc sử dụng hóa chất làm thuốc khai quang và diệt cỏ. Một vài tuần trước khi Chính quyền Kennedy ban hành NSAM 115, chỉ phê duyệt việc sử dụng hóa chất để khai quang, Tổng thống Diệm "yêu cầu nguồn cung cấp ban đầu có sẵn trên thị trường chất hủy cây khoai mì (cây sắn) cùng với 4 máy bay trực thăng H-34 và 6 chiếc C-119 sẽ được đưa vào Việt Nam trong vòng 30 ngày", tức ngày 2-12-1961(36).

Mặc dù Kennedy vẫn chưa chấp thuận việc sử dụng hóa chất để làm rụng lá, chưa nói đến việc phá hủy cây trồng, các nhà lãnh đạo quân sự cấp cao đã xem thuốc diệt cỏ như một vũ khí quan trọng tiềm tàng. Tham vọng của quân đội đối với *Ranch Hand* đã bắt đầu mở rộng ra ngoài những tham vọng được Bộ Quốc phòng hoặc Nhà Trắng chấp thuận. Bản ghi nhớ từ cuộc họp ngày 11-11-1961 của Hội đồng An ninh Quốc gia đã vạch ra những chuẩn bị và tham vọng sâu rộng cho việc sử dụng hóa chất ở miền Nam Việt Nam. Mục đầu tiên trong danh sách chờ phê duyệt là: "Cung cấp máy bay, nhân viên và chất khai quang hóa học cho miền Nam Việt Nam để phá hủy cây lương thực của Quân giải phóng, làm rụng lá các khu vực biên giới và rừng rậm đã chọn để hỗ trợ việc phát hiện các khu vực ẩn náu, trung chuyển của đối phương" (37). Đây là một nhiệm vụ lớn hơn nhiều so với Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao đã đề nghị với Tổng thống Kennedy từ đầu.

Ngày 14-11-1961, Bộ trưởng Quốc phòng McNamara yêu cầu Đô đốc Harry G. Felt - Tư lệnh quân Mỹ tại Thái Bình Dương chỉ huy chiến dịch diệt cỏ của Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Cùng lúc đó, việc gắn các bộ phận phun thuốc vào những chiếc máy bay vận tải C-123 tại căn cứ không quân Pope (Bắc Carolina) đã hoàn tất và sẵn sàng bay tới miền Nam Việt Nam. Bên cạnh đó, ông còn yêu cầu Tổng thống Ngô Đình Diệm tuyên bố với toàn dân rằng thuốc diệt cỏ không gây hại cho người và động vật. Một bản ghi nhớ từ Bộ Ngoại giao gửi cho Tổng thống Kennedy về "*Các chiến dịch khai quang ở Việt Nam*", đề ngày 24-11-1961, đã gợi ý rằng việc phun chất khai quang là một chiến thuật chiến tranh được chấp nhận. Trong thư gửi cho

Tổng thống Kennedy, Ngoại trưởng Dean Rusk cho rằng "việc sử dụng chất khai quang không vi phạm bất cứ điều luật quốc tế nào liên quan tới chiến tranh hóa học và là một chiến thuật chính đáng trong chiến tranh" (38). Tiền lệ đã được người Anh thiết lập trong trường hợp khẩn cấp ở Malaya (Mã Lai) khi họ sử dụng trực thăng để phá hoại mùa màng bằng cách phun hóa chất (39). Tổng thống Kennedy được thuyết phục rằng bộ đội miền Bắc, Quân giải phóng thường hoạt động trong các khu rừng núi, rừng đước ngập mặn và họ đang sử dụng một tuyến đường xuyên qua thung lũng trong rừng rậm để chi viện lương thực, vũ khí và nhân lực cho miền Nam (40).

Vào cuối tháng 11-1961, một chuyến hàng lớn gồm 55 thùng phuy chứa đầy thuốc diệt cỏ đã đến Căn cứ Không quân Tân Sơn Nhất. Mỗi thùng được đánh dấu bằng một sọc màu xác định nội dung của nó; hợp chất được đặt tên mã dựa trên màu đó. Hầu hết các thùng phuy chứa chất Tím, hỗn hợp D-T.42. Một số khác chứa chất Hồng và Xanh lục - mỗi thùng là một hỗn hợp khác nhau của 2,4,5-T este. Ngày 30-11-1961, Tổng thống John F. Kennedy đã ủy quyền cho Giám đốc An ninh Quốc gia McGeorge Bundy phê chuẩn cho quân đội Mỹ tiến hành Chiến dịch khai quang. Nghị quyết mang tên *NSAM-115* (Defoliant Operations in Vietnam) về việc tiến hành chiến dịch phun hóa chất diệt cỏ và làm rụng lá cây để kiểm soát các đường dọc biên giới tại Việt Nam (41).

Quyết định này của Tổng thống Kennedy được xem như là một phần trong kế hoạch lớn hơn nhằm "*Mỹ hóa*" cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1961, chiến dịch phun chất khai quang có tên gọi *Ranch Hand* không chỉ nhắm tới một số loại cỏ nhất định (ở Việt Nam, rừng được đánh đồng với cỏ dại) mà cả toàn bộ hệ sinh thái (42). Mục tiêu ban đầu được giới hạn trong việc làm rụng lá ở các khu vực cụ thể. Các khu rừng ở Khu D, xung quanh Sài Gòn, trên biên giới Việt Nam - Campuchia. Quyết định tiến hành chiến dịch diệt cỏ ở Việt Nam 30-11-1961 là một phần quan trọng trong chiến lược lớn của Tổng thống Kennedy nhằm ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa cộng sản và nhằm làm suy yếu tầm ảnh hưởng toàn cầu của Liên Xô. Sau những thất bại quân sự và ngoại giao ở những nơi khác, đặt biệt là Cuba và Berlin, Tổng thống Kennedy và các cố vấn của ông đề xuất tiến hành các hoạt động quân sự với công nghệ tiên tiến để giải quyết cuộc chiến tại Việt Nam. Chính quyền Kennedy coi đây là biểu tượng mà Mỹ thể hiện sự quyết tâm đối đầu với Cộng sản. Để chống lại Quân giải phóng, Tổng thống Kennedy tìm kiếm những biện pháp tiên tiến để vô hiệu hóa chiến thuật phục kích của Quân giải phóng như một phần trong kế hoạch đàn áp quy mô lớn.

Ngày 14-12-1961, Bộ Ngoại giao và Quốc phòng Mỹ đồng tuyên bố: "Những phi công và máy bay Mỹ tham gia vào hoạt động phun thuốc khai quang sẽ không cần che giấu thân phận nữa" (43). Dưới mật danh chung là *Operation Trail Dust* (Chiến dịch vệt bụi), với các chiến dịch và kế hoạch dưới các mật danh khác nhau, trong đó trụ cột là chiến dịch phun rải các chất phát quang từ trên không bằng máy bay vận tải C-123 được đặt dưới mật danh là *Ranch Hand*, chương trình sử dụng các chất phát quang của quân đội Mỹ ở miền Nam Việt Nam chính thức bắt đầu. Tuy nhiên, khi

Bảng 2. Các công ty cung cấp thuốc diệt cỏ từ năm 1961 đến năm 1971

Số lượng (208-l, hoặc 55-gal, thùng phuy)

Công ty	Orange	White	Blue	Purple	Pink	Green
Dow Chemical Company	78,235	105,700		2,840	180	365
Monsanto Company	67,065			7,320	520	
Hercules Inc.	49,945			1,095		
Thompson-Hayward Chemical Company	21,055				400	
Diamond Alkali /Shamrock Company	12,555		475	1,430	620	
US Rubber Company (Uniroyal, Inc)	11,635					
Thompson Chemicals Corporation	7,185				305	
Agrisect Company	1,875			95		
Hoffman-Taff, Inc.	410					
Ansul Chemical Company			29,655			

Nguồn: Alvin L. Young, *The History, Use, Disposition and Environmental Fate of Agent Orange*, Springe, New York, 2009, p.44.

được đưa đến miền Nam Việt Nam, trên danh nghĩa, các hóa chất này thuộc quyền sở hữu của chính quyền VNCH lúc đó. Điều này có nghĩa là quân đội VNCH trực tiếp quản lý và sử dụng các hóa chất này.

Trong chương trình có tên là ***Farmgate***, máy bay mang phù hiệu VNCH, do phi công mặc đồ dân sự lái với sự trợ giúp của một nhân viên người Việt để tiến hành những phi vụ tiêu hủy mùa vụ tại miền Trung và Nam Việt Nam. Mục tiêu của Mỹ trong việc sử dụng chất diệt cỏ là tạo ra những vùng đất mà cây cối không thể mọc ở miền Nam Việt Nam. Qua đó loại bỏ lớp nguỵ trang tự nhiên của quân đội từ miền Bắc Việt Nam đang âm thầm tiến vào giải phóng miền Nam. Mặt khác, chất khai quang còn được phun dọc các con đường, kênh rạch, đường sắt huyết mạch, quân đội Mỹ cũng dùng hoá chất khai quang cây cối, nhằm tạo ra những "khu vực trắng" rộng hàng trăm mét gây khó khăn cho hoạt động phục kích của du kích. Đồng thời chất diệt cỏ còn nhằm làm trống những cánh rừng rộng lớn vốn được "bộ đội Bắc Việt Nam và Quân giải phóng" dùng làm căn cứ và nơi trú ẩn buộc họ phải di chuyển liên tục, nếu không sẽ bị phát hiện và bị tấn công.

Trong chiến dịch ***Ranch Hand***, có nhiều dự án với những mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như xịt ở đâu, bao nhiêu, loại hóa chất nào và do ai tiến hành. Mỗi dự án đều có sự chấp thuận của hai bên, Mỹ và VNCH. Cá nhân Tổng thống John F. Kennedy trực tiếp phê chuẩn chiến dịch xịt hóa chất, nhưng tất cả các mục tiêu, địa điểm phun rải đều phải qua phê chuẩn của *Văn phòng tổng thống* (Oval Office). Về phía chính quyền VNCH, khi trả lời phỏng vấn của đài tiếng nói Hoa Kỳ (VOA) ngày 7-3-1962, Tổng thống Ngô Đình Diệm tuyên bố rằng việc rải chất khai quang là phương tiện rất hiệu nghiệm để chống lại chiến tranh du kích của Cộng sản. Cố vấn Ngô Đình Nhu thì cho rằng thuốc khai quang là một vũ khí lợi hại, nó chứng tỏ VNCH mạnh hơn Quân giải phóng nên dân chúng nên theo. Ngược lại, vì thiếu lương thực quân giải phóng sẽ ép dân phải đóng góp nhiều thực phẩm hơn, khiến họ chán ghét phải bỏ ra các ấp chiến lược (44).

4. Thay lời kết

Vào năm 1961, tình hình chiến tranh Việt Nam diễn tiến theo chiều hướng khiến

chính quyền VNCH và Mỹ vô cùng lo ngại. Tổng thống VNCH Ngô Đình Diệm là người đầu tiên đề nghị Mỹ dùng chất độc da cam làm vũ khí đẩy lui lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Tuy vậy, có một thực tế mà từ các nhà khoa học đến người dân thường đều có thể hình dung được, đó là khi hoá chất độc hại đã được rải xuống môi trường thì không chỉ có cây cối, mùa màng mà chính những thường dân không hề có bất cứ phương tiện bảo vệ nào cũng sẽ bị nhiễm độc. Với nhiều người, việc sử dụng chất hóa học do Mỹ xúc tiến ở Việt Nam là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất và gây hậu quả thảm khốc nhất trong lịch sử loài người. Từ giữa đến cuối những năm 1960, Lầu Năm Góc đã đặt một số lượng lớn thuốc diệt cỏ, nó góp phần vắt kiệt năng lực sản xuất của Dow, Monsanto và các công ty hóa chất khác.

Để đáp ứng nhu cầu lớn này, các công ty Mỹ đã cố gắng đẩy nhanh tốc độ sản xuất mà đôi khi bỏ qua một số quy định về an toàn. Điều quan trọng nhất là những đơn đặt hàng của quân đội ngày càng lớn đã buộc các công ty sản suất phải tinh chế 2,4-D và 2,4,5-T ở nhiệt độ cao hơn bình thường. Nhà khoa học Không quân Mỹ (USAF) từng tham chiến tại Việt Nam là James Clary trong một bức thư gửi cho cựu Thượng nghị sĩ Tom Daschle vào năm 1988 nhận định rằng: "Khi khởi xướng chương trình thuốc diệt cỏ trong những năm 1960, chúng tôi đã lường trước được những tác động của chất độc dioxin trong thuốc, thậm chí khi sản xuất cho quân đội, thuốc sẽ có nồng độ dioxin cao hơn để giảm chi phí và đẩy nhanh tốc độ sản xuất. Tuy nhiên, thuốc được sản xuất là để tiêu diệt kẻ thù nên không một ai trong chúng tôi thực sự quan tâm đến điều đó" (45). Năm 1974, Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia (NAS) phát hiện ra rằng "thuốc diệt cỏ đã được sử dụng trong các hoạt động (quân sự) ở mức cao hơn khoảng 5 đến 10 lần so với trong thực tế nông nghiệp bình thường, và một số khu vực đã được phun hai lần, và đôi khi thường xuyên hơn trong một thời gian tương đối ngắn" (46). Các quan chức Bộ Quốc phòng sau đó thừa nhận rằng các khu che phủ dày đặc ở miền Nam Việt Nam đã được phun hóa chất với nồng độ cao gấp 12 lần nồng độ trong nước để xâm nhập qua các tán cây (47).

CHÚ THÍCH

(1), (5). William A. Buckingham, Jr., *Operation Ranch Hand: The Air Force and Herbicide in Southeast Asia 1961 - 1971*, Office of Air Force History United States Air Force Washington, D.C, 1982, p.4, 4-5.

(2). Alvin L. Young, *The History, Use, Disposition and Environmental Fate of Agent Orange*, Springe, New York, 2009, p.2.

(4). Barton J. Bernstein, *America's Biological Warfare Program in the Second World War*, Journal of Strategic Studies, 11:3, 1988, p.304.

(6). William A. Buckingham, Jr., *Operation Ranch Hand: The Air Force and Herbicide in Southeast Asia 1961 - 1971*, Office of Air Force History United States Air Force Washington, D.C, 1982, p.6.

(7), (8). Alvin L. Young, *The History, Use, Disposition and Environmental Fate of Agent Orange*, Springe, New York, 2009, p.26, .27-28.

(9). Nhiều tác giả, *The Pentagon Papers*, ấn bản của *The New York Times*, Bantam Books, New York, 1971, p.86.

(10). Stephen Pelz, "John F. Kennedy's 1961 Vietnam War Decisions" trong *The United States and the Vietnam War,* Walter L. Hixson biên tập, Garland, New York, 2000, p.368.

(11), (14), (16), (21), (43). John P. Glennon (General Editor), Ronald D. Landa - Charles S. Sampson (Editors), *Foreign Relations of the United States, 1961–1963*, Volume I: Vietnam, 1961, United States Government Printing Office Washington, 1988, p.68-69, p.68, p.228-229, p.76, p.735-736.

(12). Thomas G. Paterson, *Kennedy's Quest for Victory: American Foreign Policy,1961-1963.* Oxford University Press. New York, 1989, p.224.

(13), (18). Cecil, Paul Frederick, *Herbicidal Warfare: The Ranch Hand Project in Vietnam*. New York, Praeger, 1986, p.2, 23.

(3), (15), (17), (19), (26), (27), (28), (29), (30), (31), (33), (34), (38), (45). David Zierler, *The Invention of Ecocide Agent Orange, Vietnam, and the Scientists Who Changed the Way We Think About the Environment*, University of Georgia Press, 2011, p.42, p.2, p.59, p.59, p.67, p.67, p.177-178, p.59, p.59, p.59, p.61, p.62, p.63, p.10.

(20). Henry Kissinger, *Diplomacy*, Simon & Schuster, New York, 1994, p.650.

(22). William J. Rust, *John F. Kennedy in Vietnam*, Da Capo Press, New York, 1985, p.40.

(23). Stanley Karnow, *Vietnam - A History*, Penguin Books, New York, 1987, p.253.

(24), (32). Mai Elliott, *RAND in Southeast Asia*, RAND Corporation xuất bản, California, 2010, p.35, p.35.

(25). Cecil, Paul Frederick, *Herbicidal Warfare: The Ranch Hand Project in Vietnam*. New York, Praeger, 1986, p.38.

(35), (41). Evelyn Frances Krache Morris, AM, *Into the Wind: The Kennedy Administration and the use of Herbicides in South Vietnam*, A Dissertation of Philosophy in History, Faculty of the Graduate School of Arts and Sciences of Georgetown University, Washington, DC, 2012, p.165, p.155.

(36). Taylor Report, November 3, 1961, *National Security Files, Countries, Vietnam*, Subjects: Taylor Report, 11/3/61, Tab 8, 2, JFKL.

(37), (39), (40). John P. Glennon (General Editor), Ronald D. Landa - Charles S. Sampson (Editors), (1988), *Foreign Relations of the United States, 1961-1963*, Volume I: Vietnam, 1961, United States Government Printing Office Washington, 1988, p.663-664.

(42). William A. Buckingham, Jr, *Operation Ranch Hand: The Air Force and Herbicide in Southeast Asia 1961 - 1971*, Office of Air Force History United States Air Force Washington, D.C, 1982, p.22.

(44). Glenn W. LaFantasie (General Editor), John P. Glennon - David M. Baehler - Charles S. Sampson (Editors), *Foreign Relations of the United States, 1961–1963*, Volume II: Vietnam, 1962, United States Government Printing Office Washington, 1990, p.608.

(46). Geoffrey E. Blackman, John D. Fryer, Anton Lang, and Michael Newton, *The Effects of Herbicides in South Vietnam*, Washington DC: National Academy of Sciences, 1974, p.1.

(47). Bruce F. Meyers, "Soldier of Orange: The Administrative, Diplomatic, Legislative and Litigatory Impact of Herbicide Agent Orange in South Vietnam", *Boston College Environmental Affairs Law Review* 8, no. 159 (1979-1980), p.162.